

Số: 104 /2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định trình tự, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 643/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 7 năm 2026; UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định trình tự, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố và tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố, cụ thể:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình đang hoạt động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn).

- Các cá nhân hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Lập kế hoạch, giao dự toán kinh phí

1. Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát nhu cầu hỗ trợ của các đối tượng thụ hưởng chính sách, để xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, hướng dẫn của Trung ương và Thành phố.

2. Sau khi được UBND Thành phố phân bổ, giao dự toán ngân sách, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách cho cơ quan được giao thực hiện chính sách để thực hiện theo quy định.

Điều 3. Phân công chủ trì thực hiện chính sách

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố. Khi xây dựng Kế hoạch dự toán để triển khai các nội dung được phân công, gửi danh mục hoặc Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp theo dõi, tránh chồng chéo.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ THỰC HIỆN HỖ TRỢ

Điều 4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường, quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố

1. Trình tự, thủ tục thực hiện

Cơ quan được giao thực hiện chính sách tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, xây dựng các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện phù hợp với chuyên môn, quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, theo quy định của cấp có thẩm quyền. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thành phần hồ sơ

- a) Văn bản kèm danh sách đăng ký tập huấn của đơn vị có nhu cầu tập huấn;
- b) Giấy mời tham dự tập huấn của các đơn vị được giao tổ chức thực hiện;
- c) Danh sách có ký nhận của người tham dự tập huấn, có xác nhận của nơi tổ chức tập huấn;
- d) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật;
- e) Chứng từ chi và định mức chi theo chế độ tài chính quy định.

Điều 5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách đãi ngộ nghệ nhân, quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố

1. Hỗ trợ một lần đối với Nghệ nhân khi được cấp thẩm quyền phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”, “Nghệ nhân Hà Nội”

a) Trình tự, thủ tục thực hiện

Cơ quan được giao chủ trì thực hiện chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân xây dựng kế hoạch và dự toán để chi trả đảm bảo đúng quy định. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Căn cứ Quyết định phong tặng danh hiệu nghệ nhân của cấp có thẩm quyền, cơ quan được giao thực hiện chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân thực hiện chi trả trực tiếp cho nghệ nhân được phong tặng theo quy định.

b) Thành phần hồ sơ

- Quyết định phong tặng danh hiệu nghệ nhân của cấp có thẩm quyền;
- Danh sách nghệ nhân nhận tiền hỗ trợ có ký nhận trực tiếp;
- Bản sao căn cước công dân của nghệ nhân thụ hưởng.

2. Hỗ trợ Nghệ nhân truyền dạy nghề khi tham gia truyền dạy nghề theo chương trình, kế hoạch của UBND cấp xã và Thành phố mở lớp

a) Trình tự, thủ tục thực hiện

Cơ quan được giao thực hiện chính sách tổng hợp nhu cầu truyền nghề, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức lớp truyền nghề theo kế hoạch. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Thành phần hồ sơ

- Kế hoạch mở lớp truyền nghề của các đơn vị được giao tổ chức thực hiện;
- Quyết định mở lớp truyền nghề của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc UBND cấp xã;

- Bảng tổng hợp danh sách học viên, nghệ nhân thời gian truyền dạy nghề và ký nhận kinh phí thù lao của nghệ nhân;
- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê nghệ nhân tham gia truyền nghề; Hợp đồng mua vật tư, nước uống theo định mức tài chính;
- Chứng từ chi liên quan và hồ sơ thanh quyết toán theo chế độ tài chính quy định.

Điều 6. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ khảo sát và kết nối vùng nguyên liệu, quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố

1. Trình tự, thủ tục thực hiện

- Cơ quan được giao chủ trì thực hiện chính sách xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Cơ quan chủ trì Quyết định thành lập đoàn khảo sát và kết nối vùng nguyên liệu cho làng nghề theo chương trình, kế hoạch đã ban hành (thành phần gồm: Công chức, viên chức thuộc cơ quan chuyên môn, đại diện cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia Đoàn).

2. Thành phần hồ sơ

- Văn bản mời tham gia đoàn công tác khảo sát, kết nối của các đơn vị được giao tổ chức thực hiện;
- Văn bản kèm danh sách đăng ký tham gia đoàn công tác của đơn vị có nhu cầu kết nối;
- Quyết định thành lập đoàn công tác của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc UBND cấp xã;
- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê phương tiện đi lại, vé máy bay, nhà nghỉ;
- Chứng từ chi và định mức chi theo chế độ tài chính quy định.

Điều 7. Tiêu chí lựa chọn dự án và trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố

1. Tiêu chí lựa chọn các dự án phát triển ngành nghề nông thôn

Các dự án được lựa chọn phải đảm bảo 05 tiêu chí sau:

- Máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất mới, công nghệ tiên tiến, đồng bộ trong sản xuất, chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Công nghệ, máy móc, thiết bị phải thân thiện với môi trường, các chỉ số phát thải nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Dự án đã hoàn thành đầu tư, được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sản xuất ổn định;

- Báo cáo đánh giá khả thi của cơ sở ngành nghề nông thôn trong đó phải đảm bảo nội dung có hiệu quả khi được hỗ trợ (có lợi nhuận);
- Có văn bản cam kết của cơ sở về việc duy trì sản xuất và sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích.

2. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

- Hằng năm, UBND cấp xã tổ chức khảo sát, hướng dẫn cơ sở ngành nghề nông thôn lập dự án, tổ chức thẩm định, lựa chọn các dự án đáp ứng tiêu chí tại Khoản 1 Điều này và tổng hợp có văn bản đề xuất kèm theo hồ sơ dự án gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Trên cơ sở đề xuất của UBND cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp danh mục dự án vào dự toán Ngân sách hằng năm trình UBND Thành phố phê duyệt; tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện.
- Căn cứ kinh phí được phân bổ, UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch chi tiết và thực hiện giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ cho dự án theo đúng quy định.

3. Thành phần hồ sơ

- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh của đối tượng được thụ hưởng chính sách;
- Thuyết minh dự án phát triển ngành nghề nông thôn (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục);
- Hồ sơ chứng minh việc đầu tư: Hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực); hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật; biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng; tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật của máy móc, thiết bị; chứng thư thẩm định giá của cơ quan, tổ chức thẩm định giá; văn bản phê duyệt dự án, kế hoạch hỗ trợ và các tài liệu liên quan khác.

Điều 8. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn, quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển máy móc, thiết bị, nhà xưởng nơi di dời đi

a) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Hằng năm UBND cấp xã giao cơ quan chuyên môn rà soát xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí hỗ trợ di dời. Việc lập dự toán, kế hoạch và thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Căn cứ Quyết định phê duyệt danh sách cơ sở ngành nghề nông thôn di dời của UBND Thành phố, UBND cấp xã tổ chức thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định.

b) Thành phần hồ sơ

- Quyết định phê duyệt danh sách di dời của UBND Thành phố;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, hộ kinh doanh để đối chiếu.
- Danh sách ký nhận của người nhận tiền (người đại diện pháp luật hoặc ủy quyền theo quy định);
- Bản sao thẻ căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của cơ sở ngành nghề nông thôn phải di dời;
- Biên bản nghiệm thu thực tế việc tháo dỡ, di dời; danh sách ký nhận tiền hỗ trợ của người đại diện pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Các dự án đầu tư đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hưởng các ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô

a) Trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định 103/2024/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 19 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ).

b) Trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026 của Bộ Tài chính.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ tiền lãi vay ngân hàng hoặc lãi vay từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố đối với toàn bộ giá trị hợp đồng vay được thực hiện trong thời gian vay vốn

a) Trình tự, thủ tục hỗ trợ

- Cơ sở ngành nghề nông thôn thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ (sau đây gọi tắt là chủ dự án) sau khi hoàn tất hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất, định kỳ mỗi năm một lần, chậm nhất trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất tại UBND cấp xã (qua Trung tâm phục vụ Hành chính công).

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của chủ dự án, UBND cấp xã kiểm tra tính hợp lệ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đủ điều kiện, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ dự án.

- Trong vòng 10 ngày làm việc (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ): UBND cấp xã tổ chức thẩm định đối tượng, số tiền, thời gian hỗ trợ. Toàn bộ kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và lưu trữ theo quy định.

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, UBND cấp xã xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt danh sách dự án, số tiền và thời gian hỗ trợ và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Mẫu số 01 theo Phụ lục kèm theo Quyết định này;
- Giấy đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức) hoặc căn cước công dân (đối với cá nhân);
- Dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong dự án phải xác định và ghi rõ nội dung về mục đích sử dụng vốn vay phù hợp với nội dung đề nghị hỗ trợ;
- Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức ngân hàng, Quỹ đầu tư phát triển Thành phố xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc tại nơi di dời đến theo Quyết định của UBND Thành phố;
- Hợp đồng tín dụng/thỏa thuận cho vay và biên lai thu tiền;
- Quyết định phê duyệt danh sách di dời của UBND Thành phố;
- Tài liệu chứng minh đã đầu tư theo dự án (chứng từ, hoá đơn và hồ sơ liên quan trong quá trình đầu tư); Các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Chủ dự án có thể nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hoặc trực tuyến. Trường hợp chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành Thành phố và các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai các chính sách hỗ trợ đúng phạm vi, thẩm quyền, nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả; tham mưu xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ; tổng hợp khó khăn, vướng mắc để báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết.

c) Chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, tham mưu UBND Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công: Thực hiện công bố thủ tục hành chính; tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo quy định.

4. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã triển khai, thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố.

- Chủ trì tham mưu cơ chế ưu tiên hỗ trợ mặt bằng sản xuất tại các cụm công nghiệp.

5. Các Sở, ngành liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã triển khai, thực hiện tốt Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Triển khai thực hiện các chính sách, nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND theo phân cấp, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng quy định; quyết định xử lý khi có vi phạm theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố.

b) Chủ động bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố theo phân cấp; thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Chủ trì ưu tiên bố trí mặt bằng sản xuất tại các quỹ đất của xã quản lý theo quy hoạch (nếu có).

d) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 trên địa bàn quản lý; Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai các chính sách hỗ trợ đúng phạm vi, thẩm quyền, nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố.

đ) Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách

a) Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan và nội dung chính sách đã được ban hành.

b) Quản lý, sử dụng các khoản vốn, kinh phí, vật tư, máy móc được hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, có hiệu quả.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ theo quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực về các thông tin, hồ sơ đã cung cấp để được thụ hưởng chính sách.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2026.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Đ/c Bí thư Thành ủy; (để báo cáo)
- Văn phòng Chính phủ; (để báo cáo)
- Các Bộ: NN&MT, TC, TP; (để báo cáo)
- TTTU, TT HĐND Thành phố; (để báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VP: Thành ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- VP UBTP: các PCVP, các Phòng CM, Trung tâm TT, DL&CNS Hà Nội;
- Lưu: VT, NNMT. *ph*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Duy Cường *BM*

Phụ lục**CÁC BIỂU MẪU THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

(Kèm theo Quyết định số 104 /2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 02	Dự án Phát triển ngành nghề nông thôn của tổ chức/cá nhân

Mẫu số 01. Đơn đề nghị hỗ trợ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về một số chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định trình tự, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tổ chức, cá nhân:
- + Địa chỉ:
- + Người đại diện (đối với doanh nghiệp): Chức danh:
- + Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Căn cước:
- Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:.....
- + Điện thoại:.....Fax:
- Nội dung đề nghị hỗ trợ:
- Thông tin tài khoản:
- + Tên tổ chức, cá nhân thụ hưởng:
- + Số tài khoản:.....tại ngân hàng/kho bạc
- Số tiền đề nghị hỗ trợ:(viết bằng chữ):
- Hồ sơ kèm theo gồm:.....

Tôi cam đoan các thông tin kê khai trên và các hồ sơ kèm theo đảm bảo đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 02. Dự án Phát triển ngành nghề nông thôn**TÊN ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN**

DỰ ÁN

.....

Tên dự án:**Đơn vị chủ quản:****Đơn vị thực hiện:****Địa điểm thực hiện:****Thời gian thực hiện:****Hà Nội, tháng /.....**

THUYẾT MINH DỰ ÁN
Tên dự án:

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết thực hiện dự án

2. Cơ sở xây dựng dự án

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

2. Mục tiêu cụ thể:

III. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN TRIỂN KHAI

1. Đối tượng, điều kiện tham gia

2. Địa điểm thực hiện:

3. Thời gian triển khai: Từ tháng...../...../20.....đến hết tháng
/...../20.....

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Hỗ trợ máy móc/thiết bị/

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy 1 : (Đặc tính kỹ thuật):	Máy		
2	Máy 2 (Đặc tính kỹ thuật):	Máy		
Tổng				

2. Quy trình kỹ thuật .

V. QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG MÁY MÓC/THIẾT BỊ

VII. KINH PHÍ

Tổng kinh phí của dự án: đồng.

Trong đó:

- **Đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....** đồng (chiếm tỷ lệ %).

- Kinh phí đối ứng: đồng (chiếm tỷ lệ %).

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Trong đó	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NSNN hỗ trợ	Vốn đối ứng của DN
I	Chi phí xây dựng dự án	0	0	0	0	0	0
II	Máy móc/thiết bị hỗ trợ						
1							
2							
III	Tổng kết đánh giá	0	0	0	0	0	0

VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ DỰ ÁN: Đánh giá hiệu quả theo 06 tiêu chí

1. Hiệu quả Kinh tế.
2. Hiệu quả xã hội.
3. Hiệu quả môi trường.

IX. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

.....

....., Ngày tháng năm 202..

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN

.....